

THUẾ TỈNH HUNG YÊN
THUẾ CƠ SỞ 8 TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1889 /TCS8-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến các chính
sách thuế mới áp dụng năm 2026

Trà Lý, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn
Thuế cơ sở 8 tỉnh Hưng Yên

Để giúp người nộp thuế trên địa bàn nắm bắt kịp thời chính sách thuế, đảm bảo việc áp dụng pháp luật thuế được thống nhất, chính xác và hiệu quả. Thuế cơ sở 8 tỉnh Hưng Yên thông tin một số nội dung cần lưu ý trong các văn bản chính sách thuế mới áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026, cụ thể:

1. Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 (hiệu lực từ ngày 15/01/2026) cụ thể hóa quy định miễn thuế, giảm thuế:

* Về ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (Điều 7)

- Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn được miễn thuế TNDN trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025).

- Miễn thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (áp dụng từ ngày 17/5/2025).

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (17/5/2025) mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025).

Lưu ý không áp dụng đối với các trường hợp sau: Doanh nghiệp thành lập mới từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp không phải thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất tham gia hoạt động kinh doanh vai trò quản lý tại các doanh nghiệp

đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa quá 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới.

* Miễn thuế, giảm thuế thu nhập cá nhân (TNCN), áp dụng từ ngày 17/5/2025 (Điều 8):

- Miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Miễn thuế 02 năm (24 tháng liên tục) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm (48 tháng liên tục) đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Nghị định số 362/2025/NĐ-CP:

Kể từ ngày 01/01/2026, bãi bỏ quy định kê khai, nộp lệ phí môn bài của năm 2026 trở đi (khoản 4 Điều 6).

3. Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (hiệu lực từ ngày 01/7/2025) có một số điểm mới, cụ thể:

- Về phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế (Điều 3): Cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế dựa trên các tiêu chí như: Ngành nghề, quy mô doanh thu, mức độ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế. Việc phân nhóm này nhằm xác định chế độ ưu tiên, phân bổ nguồn lực quản lý và áp dụng các biện pháp giám sát phù hợp với từng đối tượng.

- Về mã số thuế (Điều 11): Quy định rõ mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước.

- Về khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế (khoản 3 và 5 Điều 12):

- + Bổ sung quy định trường hợp phải kéo dài thời gian gia hạn nộp hồ sơ khai thuế do Chính phủ quy định phù hợp với tình hình thực tế.

- + Sửa đổi quy định về thời hạn khai bổ sung: Giảm từ thời hạn 10 năm xuống 05 năm; đồng thời bổ sung cơ chế cho phép người nộp thuế được giải trình bổ sung đối với các sai sót liên quan đến phạm vi đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.

- Về cơ chế tự xác định doanh thu và hỗ trợ tự động tạo lập tờ khai thuế cho Hộ kinh doanh (khoản 1 và 2 Điều 13):

- + Hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính trung thực của doanh thu kê khai (kể cả trường hợp dưới ngưỡng chịu thuế cũng phải thông báo).

- + Cơ quan thuế triển khai tính năng tự động điền tờ khai đối với các hộ kinh doanh áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

- Về trách nhiệm của Sàn thương mại điện tử (khoản 4 Điều 13): Sàn thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến bắt buộc thực hiện khấu trừ, kê khai

và nộp thuế thay cho người bán; trường hợp sàn không có chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải tự thực hiện nghĩa vụ đăng ký, kê khai và nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

- Tự động hóa trong hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế (Điều 18, Điều 19): Cơ quan thuế triển khai việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin.

- Mở rộng dịch vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 51): Các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (đại lý thuế) được phép cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, với điều kiện có ít nhất một người có chứng chỉ kế toán viên.

- Lộ trình giao dịch điện tử toàn diện (khoản 4 Điều 52): Cơ quan thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ việc thực hiện đầy đủ các giao dịch điện tử trong quản lý thuế. Việc áp dụng sẽ được thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/01/2027.

4. Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định:

- Bổ sung quy định xử lý khi người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai theo quý (khoản 2 Điều 1): Không xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Hồ sơ khai thuế các tháng đã nộp lại được xác định là hồ sơ thay thế cho hồ sơ khai thuế theo quý đã nộp.

- Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công từ 02 nơi trở lên quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức trả thu nhập lớn nhất (Điều 3).

- Bổ sung quy định “số tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản thu ngân sách từ đất đai khác do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật” là khoản thu do cơ quan thuế tính, thông báo số tiền phải nộp theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyển đến (khoản 2 Điều 4)

- Bổ sung quy định thời hạn nộp tiền đối với khoản phải nộp bổ sung nêu trên (cùng với thời hạn phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) (Điều 5)

- Bãi bỏ quy định tổ chức tín dụng hoặc bên ủy quyền khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý thay cho người nộp thuế có tài sản đảm bảo (Điều 9).

- Thay thế danh mục hồ sơ khai thuế tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bằng danh mục hồ sơ khai thuế tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP và ban hành mẫu biểu tương ứng để thay thế mẫu biểu tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC (Điều 10, 11 và 12; kỳ tính thuế năm 2025 vẫn theo mẫu biểu cũ).

5. Luật thuế GTGT số 149/2025/QH15 (hiệu lực từ ngày 01/01/2026); Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi một số điều Nghị định số 181/2025/NĐ-CP (hiệu lực từ ngày 01/01/2026); Nghị định số

174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT (hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026)

*** Luật thuế GTGT số 149/2025/QH15 có một số quy định được sửa đổi, bổ sung:**

- Bổ sung quy định: Về chính sách thuế đối với nông sản chưa chế biến ở khâu thương mại (điểm a khoản 1 Điều 1): Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường (gọi chung là hàng nông sản) bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Về ngưỡng doanh thu không chịu thuế (điểm b khoản 1 Điều 1): Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Bãi bỏ quy định hàng nông sản được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệu thì áp dụng thuế suất GTGT theo mức thuế suất quy định cho hàng nông sản (khoản 2 Điều 1).

- Bãi bỏ quy định về điều kiện hoàn thuế GTGT (khoản 3 Điều 1): Người bán đã kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế.

*** Nghị định số 174/2025/NĐ-CP:**

Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT (từ mức 10% xuống còn 8%) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, ổn định giá cả và kích cầu tiêu dùng trong giai đoạn phục hồi kinh tế (từ 01/7/2025 đến 31/12/2026).

Lưu ý Phụ lục II - Danh mục hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) không được giảm thuế GTGT có điều chỉnh, bổ sung một số hàng hóa; trong đó có bổ sung nước giải khát theo TCVN có hàm lượng đường trên 5g/100ml (áp dụng từ 01/01/2026).

6. Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 (hiệu lực từ 01/7/2026 trừ các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế 2026) có một số điểm mới, cụ thể:

- Về bổ sung các khoản thu nhập được miễn thuế (Điều 4): Tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật; các khoản thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng tín chỉ carbon, lãi trái phiếu xanh hoặc thu nhập từ dự án khởi nghiệp sáng tạo sẽ không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

- Về ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế TNCN của cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất kinh doanh (khoản 1 Điều 7): Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh nếu có doanh thu trong năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế TNCN. Quy định này thống nhất với ngưỡng không chịu thuế GTGT.

- Về phân nhóm và phương pháp tính thuế đối với cá nhân có thu nhập hoạt động sản xuất, kinh doanh (khoản 2 và 3 Điều 7):

+ Nhóm 1: Nhóm cá nhân có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống, không phải nộp thuế TNCN.

+ Nhóm 2: Nhóm cá nhân có doanh thu năm từ trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng; được lựa chọn nộp thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu (doanh thu tính thuế là phần vượt trên 500 triệu đồng) hoặc nộp theo cơ chế doanh thu trừ chi phí (thuế suất 15%).

+ Nhóm 3: Nhóm cá nhân có doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, áp dụng thuế suất 17% trên thu nhập tính thuế (Doanh thu trừ Chi phí).

+ Nhóm 4: Nhóm cá nhân có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng, áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế (Doanh thu trừ Chi phí).

- Về biểu thuế lũy tiến từng phần (khoản 2 Điều 9): Giảm số bậc thuế từ 07 bậc xuống còn 05 bậc; đồng thời nới rộng khoảng cách thu nhập tính thuế.

- Về mức giảm trừ gia cảnh (khoản 1 Điều 10): Mức giảm trừ gia cảnh được điều chỉnh tăng lên mức 15,5 triệu đồng/tháng đối với người nộp thuế và 6,2 triệu đồng/tháng đối với mỗi người phụ thuộc.

- Về ngưỡng thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thừa kế, quà tặng (Điều 15 đến 19): Nâng ngưỡng thu nhập chịu thuế trên 20 triệu đồng cho mỗi lần phát sinh hợp đồng hoặc nhận thu nhập. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế đối với phần giá trị vượt trên 20 triệu đồng.

7. Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 (hiệu lực từ 01/10/2025); Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (hiệu lực từ ngày 10/12/2025 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025):

*** Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15:**

Thuế suất được phân thành 03 mức (khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Luật Thuế TNDN 2025); theo đó doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng áp dụng mức thuế suất 15%, từ 3 tỷ đến 50 tỷ đồng áp dụng mức thuế suất 17%, trên 50 tỷ đồng áp dụng mức thuế suất 20% (trừ trường hợp được ưu đãi về thuế suất).

*** Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có một số điểm mới, cụ thể:**

- Về điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt (khoản 1 Điều 9): Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ (bao gồm trường hợp sử dụng Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định) và các khoản thanh toán khác có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên (tính theo từng lần hoặc tổng các lần mua trong ngày của cùng một nhà cung cấp) bắt buộc phải thanh toán không dùng tiền mặt để được tính vào chi phí được trừ.

- Quy định các trường hợp sử dụng Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ (điểm b khoản 1 Điều 9): (1) Sản phẩm nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; (2) Sản phẩm thủ công hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; (3) Phế liệu của người trực tiếp

thu nhập; (4) Đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; (5) Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh dưới ngưỡng chịu thuế giá trị gia tăng.

Không còn quy định sử dụng Bảng kê thu mua thay cho hóa đơn đối với trường hợp mua đất, đá, cát, sỏi của hộ gia đình, cá nhân tự khai thác trực tiếp bán ra.

- Về tạm nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản thu tiền theo tiến độ (điểm c khoản 1 Điều 17): Đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ dự án, mức tạm nộp thuế TNDN là 1% trên số tiền thực thu (chưa tính thuế GTGT). Khoản doanh thu này tạm thời chưa tính vào quyết toán năm cho đến khi bàn giao bất động sản và xác định được chi phí/lợi nhuận thực tế.

- Mở rộng ưu đãi thuế TNDN cho một số ngành nghề, lĩnh vực khuyến khích đầu tư (Điều 18 đến 23).

8. Nghị định số 310/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (hiệu lực từ ngày 16/01/2026); một số điểm mới sửa đổi, bổ sung:

- Phạm vi điều chỉnh và một số hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (khoản 1 Điều 1): Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT bị xử phạt hành vi cung cấp các giải pháp (khởi tạo, kết nối, truyền nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu) không đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

Các trường hợp bất khả kháng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn: Thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, chiến tranh, bạo loạn, đình công hoặc sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được.

- Thêm 03 trường hợp thực hiện nhiều hành vi (các hành vi còn trong thời hiệu xử phạt và bị xử phạt trong một vụ việc vi phạm hành chính) chỉ bị xử phạt 01 hành vi (khoản 3 Điều 1): (1) Lập hóa đơn không đúng thời điểm, (2) Không lập hóa đơn, (3) khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế.

- Trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng "vi phạm hành chính có quy mô lớn" (khoản 4 Điều 1)

- Mức phạt hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm, không lập hóa đơn (khoản 14 điều 1)

9. Luật thuế TTĐB số 66/2025/QH15 ngày 14/6/2025, Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và Thông tư số 158/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TTĐB (hiệu lực từ 01/01/2026):

- Bổ sung một số hàng hóa chịu thuế TTĐB (Điều 2): Trục thăng, tàu lượn; nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100mL theo TCVN.

Thu hẹp phạm vi điều hòa nhiệt độ chịu thuế, chỉ điều hòa công suất trên 24.000 BTU - 90.000 BTU còn thuộc diện chịu thuế (trước đây đến 90.000 BTU thuộc diện

chịu thuế). Điều hòa thiết kế riêng cho phương tiện vận tải không thuộc diện chịu thuế. Trường hợp nhập tách rời cục nóng - cục lạnh vẫn tính như sản phẩm hoàn chỉnh.

- Bổ sung nhiều trường hợp không chịu thuế (Điều 3): Hàng hóa sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu, hàng xuất khẩu bị trả lại; xe ô tô và phương tiện chạy trong phạm vi hẹp như khu di tích, bệnh viện, trường học; trục thăng, tàu lượn dùng cho cứu hộ, cứu nạn, đào tạo.

- Điều chỉnh, bổ sung thuế suất và mức thuế tuyệt đối một số hàng hóa, dịch vụ (Điều 8); điển hình:

+ Áp dụng mức thuế tuyệt đối đối với thuốc lá, xì gà và tăng theo lộ trình từ 2027-2031.

+ Tăng thuế suất rượu, bia theo lộ trình từ 2026-2031.

+ Bổ sung thuế suất nước giải khát có đường vượt ngưỡng TCVN (5g/100mL): 8% từ 01/01/2027; 10% từ 01/01/2028.

10. Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 200/TT-BTC, hiệu lực từ 01/01/2026, áp dụng cho kỳ kế toán 2026):

- Bãi bỏ "Bảng cân đối kế toán", thay thế bằng tên gọi mới là "Báo cáo tình hình tài chính"

- Đổi tên và bổ sung một số tài khoản kế toán; đồng thời loại bỏ khỏi danh mục hệ thống tài khoản kế toán cấp 2, cho phép doanh nghiệp tự xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết phù hợp với đặc thù ngành nghề và quy mô.

- Bổ sung nội dung công tác quản trị và kiểm soát nội bộ trong kế toán doanh nghiệp; Bổ sung nguyên tắc lập Báo cáo tài chính khi thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán.

11. Thông tư số 130/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (hiệu lực từ ngày 01/01/2026)

- Sửa đổi, bổ sung mã Mục, Tiểu mục để đáp ứng yêu cầu theo dõi, báo cáo một số nguồn vốn được bố trí từ hai nguồn: Chi đầu tư công và chi thường xuyên.

- Sửa đổi Tiểu mục để đáp ứng yêu cầu theo dõi, báo cáo nội dung chi chuyển nguồn theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

- Sửa đổi, bổ sung Loại, Khoản để theo dõi các khoản chi Ngân sách nhà nước trong lĩnh vực chi dự trữ quốc gia phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

12. Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (hiệu lực từ ngày 05/3/2026) cần lưu ý:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực

hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 6 với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31 tháng 7 và thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong 06 tháng cuối năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

+ Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 06 tháng cuối năm nếu có doanh thu thực tế từ 500 triệu đồng trở xuống thì thực hiện thông báo doanh thu thực tế phát sinh chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo.

+ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, khi có doanh thu lũy kể trên 500 triệu đồng thì thực hiện khai thuế theo quý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này kể từ quý phát sinh doanh thu trên 500 triệu đồng.

- Trường hợp cá nhân trực tiếp khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản thì cá nhân được lựa chọn khai thuế hai lần trong năm tính thuế hoặc khai thuế một lần theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế hai lần trong năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần thứ nhất chậm nhất là ngày 31 tháng 7 của năm tính thuế và lần thứ hai chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế một lần theo năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày 31 tháng 01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế.

- Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán từ năm 2025 trở về trước và đã được xác định mức thuế khoán (bao gồm cả trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thay đổi về quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến doanh thu khoán thuế thay đổi từ 50% trở lên) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, khi chuyển sang thực hiện kê khai thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, cơ quan thuế không sử dụng doanh thu khai thuế năm 2026 để xác định lại nghĩa vụ thuế các năm trước, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các nghĩa vụ thuế đã thực hiện theo phương pháp khoán, trừ trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hành vi che giấu doanh thu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân cho kỳ tính thuế năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo mẫu do Bộ trưởng

Bộ Tài chính quy định, lưu giữ tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng.

NNT có thể quét mã QR dưới đây để xem toàn văn Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05/3/2026.



13. Về quyết toán thuế TNCN năm 2025: NNT thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1296/CT-NVT ngày 04/3/2026 (Đính kèm theo).

Trên đây là một số nội dung trọng tâm về các chính sách thuế có hiệu lực từ năm 2026, Thuế cơ sở 8 tỉnh Hưng Yên thông báo đến các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn Thuế cơ sở 8 tỉnh Hưng Yên chủ động nghiên cứu, cập nhật để áp dụng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ./. *ll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND phường, xã trên địa bàn (để PH);
- Thuế tỉnh Hưng Yên (để BC);
- Lãnh đạo TCS8;
- Các tổ TCS8;
- Lưu VT, NVDTTC.



TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

Đỗ Mạnh Hùng
Đỗ Mạnh Hùng